

Bản án số: 1218/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
2. Ông Trần Trung Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4319/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lý Ngọc S, sinh năm 1957; nơi cư trú: 458/6 đường Phan Văn T, Phường A, Quận B, Thành phố H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1956; nơi cư trú: 118 Inman, H, T 78643 USA (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Có ông Lý Đình L - Đại diện theo uỷ quyền - trong phạm vi được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án (văn bản uỷ quyền đã được hợp pháp hoá lãnh sự ngày 09/8/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Lý Ngọc Sơn trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn số 11/P16 quyền số 01 ngày 01/2/1978 tại Ủy ban nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống chung, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Từ năm 2007, bà H đã đi định cư ở Mỹ. Vợ chồng đã không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc. Hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý. Ông xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: Lý Thụy Trà M, sinh năm 1978, Lý Đình L, sinh năm 1980, Lý Ngọc Kim G, sinh năm 1982, Lý Lộc T, sinh năm 1984. Các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông có đơn xin không tham gia phiên họp hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Thu H trong bản tự khai được hợp pháp hoá lãnh sự ngày 09/8/2019 trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, đồng ý ly hôn. Bà xác định con chung và tài sản chung như lời trình bày của ông Sơn là đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Lý Ngọc S yêu cầu được ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 quy định: “Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn”. Bà Nguyễn Thị Thu H hiện đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H ông Lý Ngọc S có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Lý Ngọc S xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 09/8/2019 chữ ký của bà Nguyễn Thị Thu H đã được hợp pháp hoá lãnh sự. Nội dung uỷ quyền bà đã uỷ quyền cho ông Lý Đình L được thay mặt bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Các văn bản về việc thụ lý vụ án, về thời gian đưa vụ án ra xét xử đã được tổng đạt hợp lệ.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4319/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2019 thông báo thời gian mở phiên tòa là ngày 24/9/2019 Ông Lý Ngọc Sơn và bà Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét thấy, ông Sơn đã cung cấp chứng cứ là các văn bản ghi ý kiến của bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý, bà H, các con đều đã trưởng thành, xác định không yêu cầu giải quyết nợ chung và tài sản chung. Các văn bản này đã được hợp pháp hoá lãnh sự nên là chứng

cứ có giá trị hợp pháp được công nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã không có văn bản nêu ý kiến khác và cũng không đến Toà để giải quyết vụ án, đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa ông Sơn và bà Hương không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Sơn.

Về con chung: Lý Thụy Trà M, sinh năm 1978, Lý Đình L, sinh năm 1980, Lý Ngọc Kim G, sinh năm 1982, Lý Lộc T, sinh năm 1984 đều đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ông S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26; điểm 1.1, mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lý Ngọc S

a) Về quan hệ hôn nhân: ông Lý Ngọc S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11/P16 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/2/1978 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: Lý Thụy Trà M, sinh năm 1978, Lý Đình L, sinh năm 1980, Lý Ngọc Kim G, sinh năm 1982, Lý Lộc T, sinh năm 1984. Các con đều đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: ông Lý Ngọc S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0048934 ngày 12/3/2018 của Cục

Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lý Ngọc S đã nộp đủ án phí.

3. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bà Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, ông Lý Ngọc S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- UBND Quận 5, TP.HCM;
- Lưu: VT, HS (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp